

Số: **1856**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **03** tháng **6** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ
Cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bình Định;

Theo Văn bản số 7267/UBND-KT ngày 21/11/2018 về việc kinh phí thực hiện nội dung Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và Cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển sang năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1247/STC-TCHCSN ngày 24/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển với số tiền là 961.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi một triệu đồng*), chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Đề nghị thẩm tra	Kết quả thẩm tra	Chênh lệch
I	CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	1.500.000	0	-1.500.000
II	CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN			
1	Lập sơ đồ vị trí các điểm cấm mốc trên bản đồ	15.836.096	15.836.096	0
2	Cấm mốc giới trên thực địa	811.219.114	782.030.000	-29.189.114
3	Lập sơ đồ, bảng thống kê vị trí	20.718.645	20.718.645	0

	mốc giới			
4	Hiệu chỉnh bản đồ ranh giới HLBVBB theo vị trí các mốc giới đã cắm trên thực địa	15.538.984	15.538.984	0
5	Xây dựng dữ liệu thuộc tính HLBVBB	21.284.670	19.865.692	-1.418.978
III	XÂY DỰNG BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	3.500.000	3.500.000	0
	CHI PHÍ CHUNG	118.232.488	0	-118.232.488
IV	CHI PHÍ KHÁC			
1	Nghiệm thu tại thực địa	12.900.000	11.400.000	-1.500.000
2	Văn phòng phẩm, in ấn, phô tô sản phẩm (bản đồ, báo cáo, chuyên đề, báo cáo tổng kết)	15.000.000	5.000.000	-10.000.000
	DỰ TOÁN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (I+II+III+IV)	1.035.729.997	873.889.417	-161.840.580
	THUẾ GTGT (10%)	103.573.000	87.388.942	-16.184.058
	TỔNG CỘNG	1.139.302.996	961.278.358	-178.024.638
	LÀM TRÒN	1.139.000.000	961.000.000	-178.000.000

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2019.

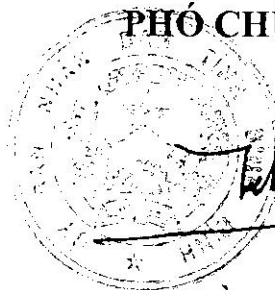
Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị liên quan thanh toán các khoản chi theo phát sinh thực tế, không vượt quá đơn giá đã thẩm định đảm bảo việc thanh toán, quyết toán đúng theo quy định hiện hành. Trường hợp thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu